

Post: Contact:
Air Navigation Department
119 Nguyen Son Str.,
Long Bien Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Tel: +84 24 38274191
Fax: +84 24 38274194
E-mail: and@caa.gov.vn
Web: http://caa.gov.vn

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM



AIP SUP
46/23
Có hiệu lực từ
Effective from
30 NOV 2023
Được xuất bản vào
Published on
10 NOV 2023

SỬA ĐỔI SƠ ĐỒ PHƯƠNG THỨC BAY VÀ TIÊU
CHUẨN KHAI THÁC TỐI THIỂU TẠI SÂN BAY ĐIỆN
BIÊN

1 GIỚI THIỆU

Ngày 25/10/2023, Tập bổ sung AIP SUP A43/23 đã được phát hành để thông báo về việc điều chỉnh thông số các đường hàng không, sơ đồ khu vực tiếp cận, sơ đồ phương thức bay và tiêu chuẩn khai thác tối thiểu tại sân bay Điện Biên, hiệu lực từ ngày 30/11/2023.

Tập bổ sung AIP này nhằm thông báo về việc sửa đổi các nội dung sau (VVDB):

- Tiêu chuẩn khai thác tối thiểu.
- Các sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị RNP Z, RNP Y đường CHC 35.

2 CHI TIẾT

2.1 Sửa đổi tiêu chuẩn khai thác tối thiểu

Trang 4 (Tiêu chuẩn khai thác tối thiểu) của AIP SUP A43/23 sẽ bị huỷ bỏ bởi trang 3 (Tiêu chuẩn khai thác tối thiểu) của AIP SUP A46/23.

Chi tiết xem tại trang 3.

2.2 Sửa đổi các sơ đồ phương thức bay sau:

- a) Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: RNP Z đường CHC 35

Trang 5 (Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: RNP Z đường CHC 35) của AIP SUP A43/23 sẽ bị huỷ bỏ bởi trang 4 (Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: RNP Z đường CHC 35) của AIP SUP A46/23.

Chi tiết xem tại trang 4.

- b) Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: RNP Z đường CHC 35 (Bảng miêu tả, phương thức chờ và danh mục lộ điểm)

Trang 6 (Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: RNP Z đường CHC 35 (Bảng miêu tả, phương thức chờ và danh mục lộ điểm) của AIP SUP A43/23 sẽ bị huỷ bỏ bởi trang 5 (Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: RNP Z đường CHC 35 (Bảng miêu tả, phương thức chờ và danh mục lộ điểm) của AIP SUP A46/23.

Chi tiết xem tại trang 5.

- c) Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: RNP Y đường CHC 35

Trang 7 (Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: RNP Y đường CHC 35) của AIP SUP A43/23 sẽ bị huỷ bỏ bởi trang 6 (Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: RNP Y đường CHC 35) của AIP SUP A46/23.

Chi tiết xem tại trang 6.

- d) Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: RNP Y đường CHC 35 (Bảng miêu tả, phương thức chờ và danh mục lộ điểm)

REVISION OF FLIGHT PROCEDURE CHARTS AND
AERODROME OPERATING MINIMA AT DIEN BIEN
AERODROME

1 INTRODUCTION

On 25 OCT 2023, AIP Supplement A43/23 was published to notice the revision of ATS routes parameters, area chart, flight procedure charts and aerodrome operating minima at Dien Bien Aerodrome, effective from 30 NOV 2023.

This AIP Supplement aims at notifying the revision of following contents (VVDB):

- AD Operating Minima.
- Instrument Approach Charts RNP Z, RNP Y RWY 35.

2 DETAILS

2.1 Revision of AD Operating Minima

Page 4 (AD Operating Minima) of AIP SUP A43/23 shall be cancelled by page 3 (AD Operating Minima) of AIP SUP A46/23.

See page 3 for details.

2.2 Revision of the following procedure charts:

- a) Instrument Approach Chart – ICAO: RNP Z RWY 35

Page 5 (Instrument Approach Chart – ICAO: RNP Z RWY 35) of AIP SUP A43/23 shall be cancelled by page 4 (Instrument Approach Chart – ICAO: RNP Z RWY 35) of AIP SUP A46/23.

See page 4 for details.

- b) Instrument Approach Chart – ICAO: RNP Z RWY 35 (Tabular description, holding procedures and waypoint list).

Page 6 (Instrument Approach Chart – ICAO: RNP Z RWY 35 (Tabular description, holding procedures and waypoint list) of AIP SUP A43/23 shall be cancelled by page 5 (Instrument Approach Chart – ICAO: RNP Z RWY 35 (Tabular description, holding procedures and waypoint list) of AIP SUP A46/23.

See page 5 for details.

- c) Instrument Approach Chart – ICAO: RNP Y RWY 35

Page 7 (Instrument Approach Chart – ICAO: RNP Y RWY 35) of AIP SUP A43/23 shall be cancelled by page 6 (Instrument Approach Chart – ICAO: RNP Y RWY 35) of AIP SUP A46/23.

See page 6 for details.

- d) Instrument Approach Chart – ICAO: RNP Y RWY 35 (Tabular description, holding procedures and waypoint list)

Trang 8 (Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: RNP Y đường CHC 35 (Bảng miêu tả, phương thức chờ và danh mục lộ điểm) của AIP SUP A43/23 sẽ bị huỷ bỏ bởi trang 7 (Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: RNP Y đường CHC 35 (Bảng miêu tả, phương thức chờ và danh mục lộ điểm) của AIP SUP A46/23).

Chi tiết xem tại trang 7.

3 HIỆU LỰC

Tập bổ sung AIP này sẽ có hiệu lực từ 0000 ngày 30/11/2023.

4 HỦY BỎ

Tập bổ sung AIP này sẽ còn hiệu lực cho đến khi nội dung được đưa vào AIP Việt Nam.

- HẾT -

Page 8 (Instrument Approach Chart – ICAO: RNP Y RWY 35 (Tabular description, holding procedures and waypoint list) of AIP SUP A43/23 shall be cancelled by page 7 (Instrument Approach Chart – ICAO: RNP Y RWY 35 (Tabular description, holding procedures and waypoint list) of AIP SUP A46/23.

See page 7 for details.

3 EFFECT

This AIP Supplement shall become effective from 0000 on 30 NOV 2023.

4 CANCELLATION

This AIP Supplement shall remain in force until its content has been incorporated into the Viet Nam AIP.

- END -

TAKE-OFF MINIMA

RWY 17	ACFT CAT	Ceiling (M)	RVR (M)	Visibility (M)
	A, B, C			4 600

Note: 1. Take-off alternate aerodromes: Noi Bai, Cat Bi, Tho Xuan, Vinh.
 2. When take-off alternate aerodrome cannot be chosen, the operational minima for take-off will be the value for landing as appropriate.

LANDING MINIMA

VOR Z approach procedures for RWY 35 (MACG 2,5%)	ACFT CAT	Ceiling (M)	RVR (M)	Visibility (M)
	A, B	650		7 000

VOR Z approach procedures for RWY 35 (MACG 4%)	ACFT CAT	Ceiling (M)	RVR (M)	Visibility (M)
	A, B	400		5 500

VOR Y approach procedures for RWY 35 (MACG 2,5%)	ACFT CAT	Ceiling (M)	RVR (M)	Visibility (M)
	C	650		7 000

VOR Y approach procedures for RWY 35 (MACG 4%)	ACFT CAT	Ceiling (M)	RVR (M)	Visibility (M)
	C	400		5 500

VOR X approach procedures for RWY 35 (MACG 2,5%)	ACFT CAT	Ceiling (M)	RVR (M)	Visibility (M)
	A, B, C	650		7 000

VOR X approach procedures for RWY 35 (MACG 4%)	ACFT CAT	Ceiling (M)	RVR (M)	Visibility (M)
	A, B, C	400		5 500

RNP Z, RNP Y (LNAV) approach procedures for RWY 35 (MACG 2,5%)	ACFT CAT	Ceiling (M)	RVR (M)	Visibility (M)
	A, B, C	600		6 500

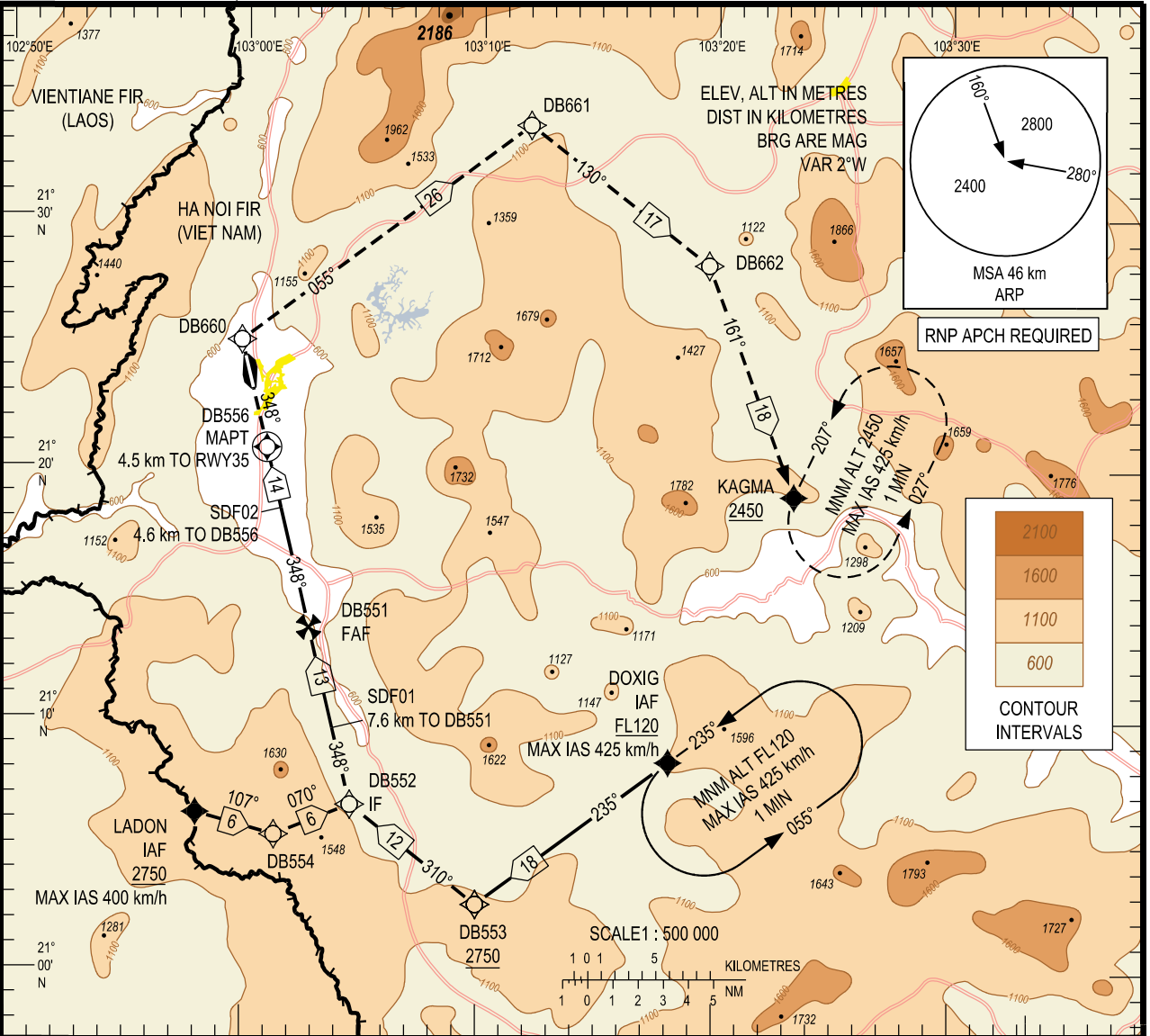
RNP Z, RNP Y (LNAV) approach procedures for RWY 35 (MACG 4%)	ACFT CAT	Ceiling (M)	RVR (M)	Visibility (M)
	A, B, C	370		4 600

INSTRUMENT
APPROACH
CHART - ICAO

AERODROME ELEV 485 m
HEIGHTS RELATED TO
THR RWY 35 - ELEV 481 m

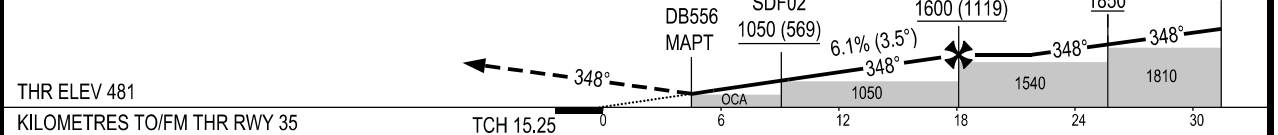
TWR: 118.7

DIEN BIEN/DIEN BIEN DOM (VVDB)
RNP Z RWY 35



KILOMETRES TO NEXT WPT	DB556 (MAPT)	1	2	4	6	8	10	12	13.6
ALT		830	895	1015	1135	1260	1380	1505	1600

MISSED APPROACH:
CLIMB ON COURSE 348° TO DB660, TURN RIGHT TO DB661, DB662, KAGMA AT 2450 m OR ABOVE. JOIN HOLDING PATTERN AND CLIMB TO FL110 IN HOLDING PATTERN. CONTINUE FOLLOW DIEN BIEN TWR INSTRUCTIONS.



KILOMETRES TO/FM THR RWY 35	TCH 15.25	0	6	12	18	24	30
-----------------------------	-----------	---	---	----	----	----	----

OCA (H)	MACG	A	B	C
LNAV	2.5%	1060 (579)		
	4.0%	830 (349)		
CIRCLING		NOT APPLICABLE		

GS	km/h	150	200	250	300	350
ROD FAF - MAPT	m/s	2.5	3.4	4.2	5.1	5.9

SEE THE NEXT PAGES FOR CODING DATA.

CHANGES: MAPT, OCA (H), TABLE OF DIST/ALT TO MAPT, WITHDRAWAL OF SIM TRAINING REQUIREMENT.

**INSTRUMENT
APPROACH
CHART - ICAO**

**AERODROME ELEV 485 m
HEIGHTS RELATED TO
THR RWY 35 – ELEV 481 m**

**DIEN BIEN/DIEN BIEN DOM (VVDB)
RNP Z RWY 35**

1. TABULAR DESCRIPTION

Serial number	Path Descriptor	Waypoint Identifier	Fly-over	Course °M(°T)	Magnetic Variation	Distance (km)	Turn Direction	Altitude (m)	Speed limit (km/h)	VPA/TCH	Nav Spec
010	IF	DOXIG	–	–	+2	–	–	+FL120	-425	–	RNP APCH
020	TF	DB553	–	235(233.2)	+2	17.59	–	+2750	–	–	RNP APCH
030	TF	DB552	–	310(308.0)	+2	11.80	–	+2150	–	–	RNP APCH
010	IF	LADON	–	–	+2	–	–	+2750	-400	–	RNP APCH
020	TF	DB554	–	107(105.3)	+2	6.00	–	–	–	–	RNP APCH
030	TF	DB552	–	070(068.1)	+2	6.00	–	+2150	–	–	RNP APCH
010	IF	DB552	–	–	+2	–	–	+2150	–	–	RNP APCH
020	TF	SDF01	–	348(346.4)	+2	5.77	–	+1850	–	–	RNP APCH
030	TF	DB551	–	348(346.4)	+2	7.59	–	@1600	–	–	RNP APCH
040	TF	SDF02	–	348(346.4)	+2	9.01	–	+1050	–	-3.50°	RNP APCH
050	TF	DB556 (MAPT)	Y	348(346.4)	+2	4.57	–	@771	–	-3.50°/15.25	RNP APCH
060	CF	DB660	–	348(346.4)	+2	–	–	–	–	–	RNP APCH
070	TF	DB661	–	055(052.9)	+2	26.44	–	–	–	–	RNP APCH
080	TF	DB662	–	130(127.8)	+2	16.67	–	–	–	–	RNP APCH
090	TF	KAGMA	–	161(159.5)	+2	18.13	–	+2450	–	–	RNP APCH
100	HM	KAGMA	–	207(204.9)	+2	–	L	+2450	-425	–	RNP APCH

2. HOLDING PROCEDURES

Holding Fix	Inbound Course °M(°T)	Magnetic Variation	Time (min)	Turn Direction	Altitude (m)	Speed (km/h)	Nav Spec
DOXIG	235(233.2)	+2	1 ≤ FL140 1.5 > FL140	L	+FL120	-425	RNP APCH
KAGMA	207(204.9)	+2	1 ≤ FL140 1.5 > FL140	L	+2450	-425	RNP APCH

3. WAYPOINT LIST

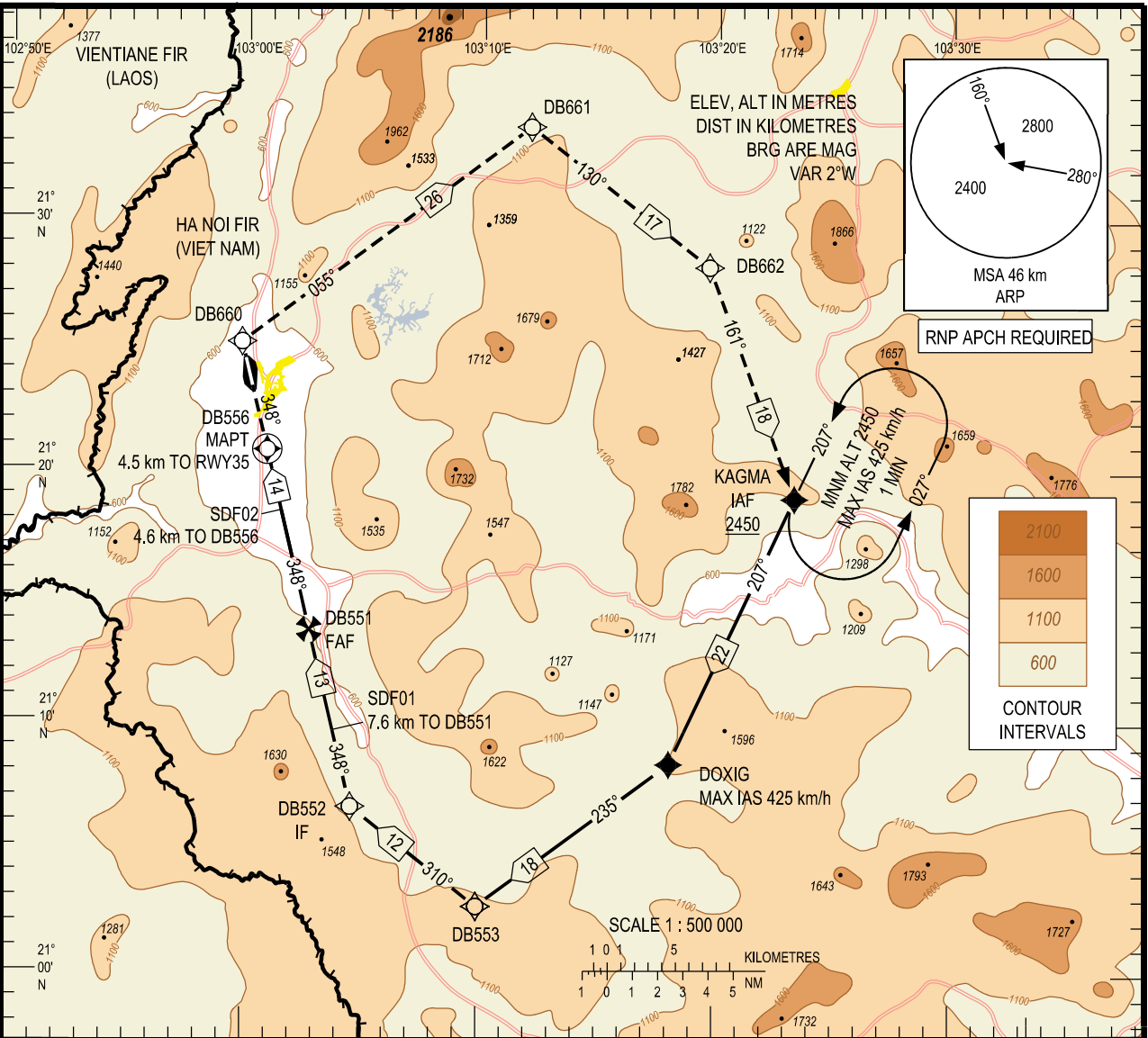
WAYPOINT ID	COORDINATES (WGS-84)	
DB551	21°13'36.3"N	103°02'45.3"E
DB552	21°06'34.3"N	103°04'34.4"E
DB553	21°02'38.1"N	103°09'56.4"E
DB554	21°05'21.4"N	103°01'21.5"E
DB556	21°20'45.6"N	103°00'54.2"E
DB660	21°25'02.8"N	102°59'47.6"E
DB661	21°33'40.8"N	103°12'00.6"E
DB662	21°28'08.7"N	103°19'38.4"E
DOXIG	21°08'20.8"N	103°18'04.2"E
KAGMA	21°18'56.5"N	103°23'18.7"E
LADON	21°06'13.0"N	102°58'01.0"E
RWY35	21°23'07.81"N	103°00'17.38"E
SDF01	21°09'36.5"N	103°03'47.3"E
SDF02	21°18'21.1"N	103°01'31.6"E

INSTRUMENT
APPROACH
CHART - ICAO

AERODROME ELEV 485 m
HEIGHTS RELATED TO
THR RWY 35 - ELEV 481 m

TWR: 118.7

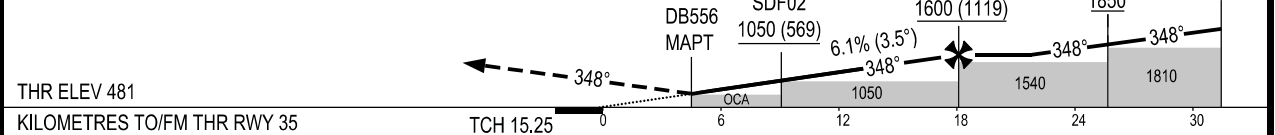
DIEN BIEN/DIEN BIEN DOM (VVDB)
RNP Y RWY 35



KILOMETRES TO NEXT WPT	DB556 (MAPT)	1	2	4	6	8	10	12	13.6
ALT		830	895	1015	1135	1260	1380	1505	1600

MISSED APPROACH:
CLIMB ON COURSE 348° TO DB660, TURN RIGHT TO DB661, DB662, KAGMA AT 2450 m OR ABOVE. JOIN HOLDING PATTERN AND CLIMB TO FL110 IN HOLDING PATTERN. CONTINUE FOLLOW DIEN BIEN TWR INSTRUCTIONS.

TRANSITION ALTITUDE 2750



OCA (H)	MACG	A	B	C
LNAB	2.5%	1060 (579)		
	4.0%	830 (349)		
CIRCLING		NOT APPLICABLE		

ĐIÀ TỐC	km/h	150	200	250	300	350
ROD FAF - MAPT	m/s	2.5	3.4	4.2	5.1	5.9

SEE THE NEXT PAGES FOR CODING DATA.

CHANGES: MAPT, OCA (H), TABLE OF DIST/ALT TO MAPT, WITHDRAWAL OF SIM TRAINING REQUIREMENT.

1. TABULAR DESCRIPTION

Serial number	Path Descriptor	Waypoint Identifier	Fly-over	Course °M(°T)	Magnetic Variation	Distance (km)	Turn Direction	Altitude (m)	Speed limit (km/h)	VPA/TCH	Nav Spec
010	IF	KAGMA	–	–	+2	–	–	+2450	–	–	RNP APCH
020	TF	DOXIG	–	207(204.9)	+2	21.55	–	–	-425	–	RNP APCH
030	TF	DB553	–	235(233.2)	+2	17.59	–	–	–	–	RNP APCH
040	TF	DB552	–	310(308.0)	+2	11.80	–	+2150	–	–	RNP APCH
050	TF	SDF01	–	348(346.4)	+2	5.77	–	+1850	–	–	RNP APCH
060	TF	DB551	–	348(346.4)	+2	7.59	–	@1600	–	–	RNP APCH
070	TF	SDF02	–	348(346.4)	+2	9.01	–	+1050	–	-3.50°	RNP APCH
080	TF	DB556 (MAPT)	Y	348(346.4)	+2	4.57	–	@771	–	-3.50°/15.25	RNP APCH
090	CF	DB660	–	348(346.4)	+2	–	–	–	–	–	RNP APCH
100	TF	DB661	–	055(052.9)	+2	26.44	–	–	–	–	RNP APCH
110	TF	DB662	–	130(127.8)	+2	16.67	–	–	–	–	RNP APCH
120	TF	KAGMA	–	161(159.5)	+2	18.13	–	+2450	–	–	RNP APCH
130	HM	KAGMA	–	207(204.9)	+2	–	L	+2450	-425	–	RNP APCH

2. HOLDING PROCEDURE

Holding Fix	Inbound Course °M(°T)	Magnetic Variation	Time (min)	Turn Direction	Altitude (m)	Speed (km/h)	Nav Spec
KAGMA	207(204.9)	+2	1 ≤ FL140 1.5 > FL140	L	+2450	-425	RNP APCH

3. WAYPOINT LIST

WAYPOINT ID	COORDINATES (WGS-84)	
DB551	21°13'36.3"N	103°02'45.3"E
DB552	21°06'34.3"N	103°04'34.4"E
DB553	21°02'38.1"N	103°09'56.4"E
DB556	21°20'45.6"N	103°00'54.2"E
DB660	21°25'02.8"N	102°59'47.6"E
DB661	21°33'40.8"N	103°12'00.6"E
DB662	21°28'08.7"N	103°19'38.4"E
DOXIG	21°08'20.8"N	103°18'04.2"E
KAGMA	21°18'56.5"N	103°23'18.7"E
RWY35	21°23'07.81"N	103°00'17.38"E
SDF01	21°09'36.5"N	103°03'47.3"E
SDF02	21°18'21.1"N	103°01'31.6"E